TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 155/2019/DS-PT
Ngày: 11 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cẩm X, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của chị X: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985. Địa chỉ: khóm 5, phường 8, thành phố C, tỉnh C. (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1963 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ph: Ông Lê Anh Tuấn – Luật sư của Văn phòng luật sư Lê Anh Tuấn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Trung Tr, sinh năm 1990 (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Mỹ Ph, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh C.

3. Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 11/10/2011 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Quốc T1: Chị Nguyễn Thị Cẩm X, sinh năm 1985 (là mẹ ruột, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh C.

4. Nguyễn Quế Tr1, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Quế Tr1: Chị Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1977 (là mẹ ruột, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh C.

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1933 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh C.

6. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phú Tân.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh Th – Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện T, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Cẩm X, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm X trình bày:* Chị X với anh Nguyễn Quốc T2 kết hôn năm 2010, có một người con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 11/10/2011. Thời gian chị X chung sống với anh T2, đến ngày 27/11/2011 ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Ph có cho anh T2 phần đất diện tích 15.000m^2 tọa lạc tại ấp Thứ Vải A, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân. Việc cho đất được lập thành văn bản (đơn cho đất), có Ban nhân dân ấp ký xác nhận cùng ngày, đến ngày 19/5/2015 thì Ủy ban nhân dân xã ký xác nhận. Trên thực tế thì anh T2 đổi đất với ông T và quản lý sử dụng đất từ năm 2001 đến khi anh T2 chết năm 2014, sau khi anh T2 chết, chị là người quản lý sử dụng đất đến ngày 18/6/2015 thì ông T lấy lại đất, ông T cho rằng ông T chỉ cho anh T2 mượn đất canh tác.

Chị X yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 27/11/2011 giữa ông T, bà Ph với anh T2. Buộc ông T và bà Ph trả cho chị diện tích đất theo đo đạc thực tế 13.055,4m^2 tọa lạc tại ấp Thứ Vải A, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Ph thống nhất trình bày: Ngày 27/11/2001 ông có cho anh Nguyễn Quốc T2 phần đất diện tích là 15.000m^2 tọa lạc

tại ấp Thứ Vải A, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân nhưng ông T1 không nhận. Ông thừa nhận đơn cho đất chị X cung cấp là chữ ký và chữ viết của ông, còn bà Nguyễn Thị Ph không có ký, theo đơn cho đất chị X cung cấp thể hiện ngày 27/11/2011 là không đúng. Ông T xác định phần đất theo giấy cho đất là tài sản chung của ông và bà Ph, ông bà đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Phú Tân để vay vốn từ năm 2005 cho đến thời điểm hiện tại. Vì cho anh T2 mượn đất, hiện anh T2 đã chết nên ông lấy lại đất và không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của chị X.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H:* Lời trình bày của ông T là đúng. Bà không yêu cầu hay tranh chấp gì đối với phần đất tranh chấp này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ1 trình bày:* Trước đây chị với anh Nguyễn Quốc T2 là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2010, chị với anh T2 có một người con chung tên Nguyễn Quế Tr1, sinh ngày 24/4/2004 hiện do chị nuôi dạy. Khi chị còn chung sống với anh T2 thì phần đất hiện đang tranh chấp theo chị biết là mượn của ông T và bà Ph. Sau khi chị với anh T2 ly hôn, ông T với bà Ph có làm giấy cho đất anh T2 hay không thì chị không biết. Chị không yêu cầu hay tranh chấp gì đối với phần đất này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung Tr và chị Nguyễn Mỹ Ph thống nhất trình bày:* Anh chị là con ruột của ông T và bà Ph, do còn nhỏ nên sự việc tranh chấp giữa chị Chị X với ông T và bà Ph thì anh chị không rõ.

- *Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Phú Tân trình bày:* Ông Nguyễn Thanh T có thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn tại Ngân hàng, do ông T có khả năng thanh toán nợ nên Ngân hàng không khởi kiện mà để các bên tự thỏa thuận thanh toán nợ.

- *Tại Bản án sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm X.

- *Tại Bản phúc thẩm số: 116/2018/DS-PT ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:* Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết theo thủ tục chung. Lý do: Năm 2014 anh Nguyễn Quốc T2 chết, hàng thừa kế thứ nhất của anh T2 gồm chị X, 02 người con của anh T2 là Tr1, T1 và mẹ của ông T1 là bà H, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người này vào tham gia tố tụng.

Tại bản án sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm X về việc: Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập vào ngày 27/11/2011 giữa ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Ph với anh Nguyễn Quốc T1 và buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Ph trả diện tích đất là 13.055,4m^2 tọa lạc tại ấp Thứ Vải A, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/12/2018, chị Nguyễn Thị Cẩm X có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị X.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đơn cho đất về hình thức không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và ông Nguyễn Thanh T cho đất không có sự đồng ý của bà Nguyễn Thị Ph thì không đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra phần đất tại thời điểm tặng cho ông T đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng nhưng không được sự sự đồng ý của Ngân hàng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập vào ngày 27/11/2011 giữa ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Ph với anh Nguyễn Quốc T2 và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm Xem.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Cẩm X không đồng ý với án sơ thẩm đã tuyên không chấp yêu cầu khởi kiện của chị X về việc: yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập vào ngày 27/11/2011 giữa ông T, bà Ph với anh T2. Buộc ông T, bà Ph trả lại cho chị X diện tích đất theo đo đạc thực tế 13.055,4m^2 tọa lạc tại ấp Thứ Vải A, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Với các lý do: Ngày 27/11/2011 ông T và bà Ph đã làm đơn cho đất anh T2; Việc cho đất có xác nhận của Ban nhân dân ấp, Trưởng ấp và Ủy ban nhân dân xã ký xác nhận, nhưng trên thực tế là đổi đất vì ông T đã được cha mẹ cho phần đất tại địa điểm khác và theo kết quả giám định thì chữ viết và chữ ký tại đơn cho đất ngày 27/11/2011 là của ông T, đều đó thể hiện về ý chí ông T đã tự nguyện cho đất ông T1. Xét kháng cáo của chị X, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất nhau: Phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 13.055,4 m^2, tọa lạc tại ấp Thứ Vải A, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước (nay là

huyện Phú Tân) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T vào ngày 17/01/1994. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ, trên diện tích đất tranh chấp không có công trình, vật kiến trúc, cây trồng gì. Và nguồn gốc đất tranh chấp là của ông T và bà Ph được cha mẹ là ông Thái (đã chết) và bà H cho với diện tích 15.000 m^2 tọa lạc tại ấp Thứ Vải A, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Đến năm 1994 ông T được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 30 và 153 tờ bản đồ số 3A.

[3] Chị X cho rằng, ngày 27/11/2011 ông T và bà Ph có cho lại anh T2 toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên. Chứng minh cho lời trình bày của mình, chị X cung cấp đơn cho đất lập ngày 27/11/2011. Ngược lại ông T thừa nhận có làm đơn cho đất anh T2 ngày 27/11/2001, nhưng do anh T2 không nhận nên ông T chỉ cho anh T2 mượn đất để canh tác. Xét lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại đơn cho đất do chị X cung cấp, thể hiện đơn được lập ngày 27 tháng 11 có sự sửa chữa lại năm 2001 thành 2011 là thực tế. Tuy nhiên tại đơn cho đất có Ban nhân dân ấp, Trưởng ấp và Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây ký xác nhận, theo đó ngày ký xác nhận của Ban nhân dân ấp thể hiện ký cùng ngày 27/11/2011. Mặc khác thấy rằng về quyết định phân chia địa giới hành chính, huyện Phú Tân được thành lập theo Nghị định số 138/2003/NĐ-CP ngày 17/11/2003 của Chính phủ, do đó tại phần đầu của đơn cho đất thể hiện "kính gửi Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân" là phù hợp với thời gian huyện Phú Tân được thành lập. Như vậy lời trình bày của chị X về thời điểm ông T làm đơn cho đất anh T2 vào ngày 27/11/2011 là có căn cứ. Xét thấy việc ông T cho rằng có cho đất anh T2 vào năm 2001 nhưng do anh T2 không nhận nên ông T và bà Ph cho anh T2 mượn đất canh tác từ năm 2001 là thực tế có xảy ra. Bởi lẽ lời trình bày này của ông T phù hợp với lời trình bày của chị Đậm là vợ trước của anh T2, phù hợp với lời trình bày của chị X khi chị kết hôn với anh T2 thì anh T2 đã canh tác phần đất này, phù hợp với lời trình bày của bà H là mẹ ông T, phù hợp với lời trình bày của tất cả các anh chị em của ông T và anh T2, phù hợp với thực tế quá trình sử dụng đất của anh T2 được các bên cùng thừa nhận từ năm 2001 đến khi anh T2 chết. Từ cơ sở trên, cấp sơ thẩm kết luận từ năm 2001 ông T và bà Ph có cho ông T1 mượn đất canh tác, đến ngày 27/11/2011 ông T làm đơn cho đất ông T1 là có căn cứ.

[4] Xét về hình thức đơn cho đất xác lập vào ngày 27/11/2011 giữa ông T và bà Ph với anh T2 thấy rằng: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T và bà Ph với anh T2 không được thực hiện theo mẫu, không có công chứng, chứng thực. Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân chỉ ký xác nhận chữ ký chứ không ký xác nhận về nội dung có sự việc tặng cho đất giữa ông T và bà Ph với anh T2. Do đó thấy rằng về hình thức đơn cho đất đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2005. Việc chị X cho rằng thực tế là đổi đất, do ông T đã được ông Thái và bà H tặng cho phần đất khác, việc này đại diện nguyên đơn thừa nhận chị X chỉ nghe nói lại, chứ thực tế cũng không chứng kiến việc đổi đất này. Đồng thời chứng minh cho lời trình bày này, chị X có yêu cầu Tòa án xác minh những người hiểu biết sự việc như ông Lữ Ngọc Giao, ông Ngô Phú Cường, ông

Nguyễn Quốc Khánh. Tuy nhiên qua xác minh ông Giao xác định việc chị X, ông T, bà Ph tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng và việc đổi đất của gia đình ông T như thế nào thì ông Giao hoàn toàn không biết. Đối với ông Cường xác định là giữa ông T và anh T2 có việc đổi đất với nhau thì chỉ nghe nói lại chứ không có chứng kiến sự việc này, còn việc có cho đất với nhau hay không thì ông hoàn toàn không biết. Đối với ông Khánh xác định ông T có cho đất ông T1 nhưng chỉ nghe nói lại chứ không biết cụ thể. Ngược lại ông T không thừa nhận có sự việc đổi đất như chị X trình bày. Từ lời khai của ông Giao, ông Cường, ông Khánh như trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để kết luận phần đất tranh chấp anh T2 có được là do đổi đất với ông T như chị X đã trình bày.

[5] Xét về nội dung đơn cho đất thấy rằng, đơn cho đất không thể hiện loại đất, vị trí, ranh giới và tình trạng thửa đất được tặng cho. Việc chưa thể hiện đầy đủ các thông tin về đất như đã nêu trên là chưa đúng với quy định tại Điều 723 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy phần đất ông T ký tặng cho đất anh T2 đã thể hiện ý chí tự nguyện của ông T tại thời điểm ngày 27/11/2011 như ông T thừa nhận. Nhưng xét thấy phần đất này ông T và bà Ph được ông Thái và bà H tặng cho chung, đây là tài sản chung của ông T và bà Ph, ngày 27/11/2011 ông T lại tự ý ký đơn cho đất anh T2 trong khi chưa được sự thống nhất của bà Ph. Mặc khác tại thời điểm này, phần đất tặng cho ông T và bà Ph cũng đang thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Phú Tân từu thời điểm năm 2005. Tuy đất đang thế chấp tại Ngân hàng nhưng ông T tự ý ký tặng cho anh T2 mà không thông qua ý kiến của Ngân hàng là không đúng, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Hơn nữa theo quy định tại Điều 129 của Luật đất đai năm 2003 thì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chỉ phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký kê khai tại cơ quan có thẩm quyền, nhưng thấy rằng từ khi ông T ký đơn cho đất anh T2 đến trước khi anh T2 chết, anh T2 cũng không đến cơ quan có thẩm quyền để làm bất cứ thủ tục đăng ký kê khai nào để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, nên đơn cho đất ngày 27/11/2011 giữa ông T với anh T2 chưa phát sinh hiệu lực.

[6] Ngoài những căn cứ trên, thấy rằng tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm năm 2010 giữa chị Đậm với anh T2 cũng không thể hiện anh T2 có phần đất hiện đang tranh chấp. Khi anh T2 còn sống, theo ông T xác định gia đình có họp ngày 27/11/2011 phân chia cho anh T2 phần đất có diện tích trên 21.000m^2, sau khi anh T2 chết, người đại diện của chị X cũng thừa nhận chị X là người quản lý phần diện tích đất này, đồng thời chị X đã cho người khác thuê lại.

Từ những cơ sở như đã phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị X về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập vào ngày 27/11/2011 giữa ông T, bà Ph với anh T2; Buộc ông T, bà Ph trả diện tích đất là 13.055,4m^2 tọa lạc tại ấp Thứ Vải A, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau là có căn cứ.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của chị X không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị X, cần giữ nguyên

bản án sơ thẩm theo đề nghị của Kiểm sát viên và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà Ph là phù hợp.

[8] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X nên chị X phải chịu chi phí tố tụng số tiền là:8.802.000 đồng trong đó: Chi phí đo đạc là 2.366.000 đồng; chi phí định giá là 1.556.000 đồng; chi phí trưng cầu giám định là 4.880.000 đồng.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm chị X phải chịu theo quy định.

[10] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 3 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Cẩm X.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm X về việc: Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập vào ngày 27/11/2011 giữa ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Ph với anh Nguyễn Quốc T2 và buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Ph trả diện tích đất là 13.055,4m^2 tọa lạc tại ấp Thứ Vải A, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Chi phí tố tụng chị Nguyễn Thị Cẩm X phải chịu số tiền là: 8.802.000 đồng (đã nộp xong).

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, chị Nguyễn Thị Cẩm X chịu 200.000 đồng. Chị X dự nộp tạm ứng là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền án phí lệ phí Tòa án số 09023 ngày 10/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Án phí dân sự phúc thẩm chị Nguyễn Thị Cẩm X phải chịu 300.000đồng. Ngày 21/12/2018 chị X đã dự nộp theo biên lai thu số 0007416 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân H. Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Trung